

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 3 - 2022

V/v ly hôn giữa chị N và anh Q

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Nghi

Bà Đặng Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trục.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trục tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1990 (vắng mặt)

ĐKKHKT: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2021, bản tự khai ngày 24/02/2022 nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 4 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Q hay uống rượu say về nhà do chị không kiềm chế được bản thân nên có những lời nói xúc phạm anh Q dẫn đến vợ chồng đánh chửi nhau. Từ

tháng 10/2021 chị về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn N, xã P, huyện T ở, anh Q có đến tìm về đề vợ chồng đoàn tụ nhưng chị không đồng ý, từ đó vợ chồng chị sống ly thân không quan tâm gì tới nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giữa chị và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 03/11/2014 và Nguyễn Trung H, sinh ngày 09/6/2016, hiện cháu D đang ở với chị và cháu H đang ở với anh Q. Khi vợ chồng ly hôn chị và anh Q đã thống nhất mỗi người nuôi một con, chị tiếp tục nuôi cháu D và anh Q tiếp tục nuôi cháu H, chị và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 25/02/2022 bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh và chị Phạm Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 4 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống anh không kìm chế được bản thân dẫn đến vợ chồng xô xát. Tháng 10/2021 chị N về nhà đẻ ở, từ đó vợ chồng anh ly thân không quan tâm gì tới nhau nữa. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ đề nghị Tòa án xem xét.

Về nuôi con chung: Anh và chị N có 02 con chung tên tuổi của các con đúng như chị N trình bày, hiện cháu D đang ở với chị Nhài và cháu H đang ở với anh. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi một con, anh tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Trung H và chị N tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Thùy D; anh và chị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51, 56; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 24; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 03/11/2014 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 09/6/2016 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N và anh Q không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

3. Về án phí DSST: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn Q đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn Q tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 21/4/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, cả hai không kìm chế được bản thân dẫn đến đánh chửi nhau. Từ tháng 10 năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Quá trình tố tụng chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Q thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn đánh chửi nhau, nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị N và anh Q không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn Q của chị Phạm Thị N phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh Q có 02 con chung hiện chị N đang nuôi cháu D và anh Q nuôi cháu H. Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có ý kiến tiếp tục giao cho chị N trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 03/11/2014 và anh Q trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 09/6/2016. Chị N và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét ý kiến của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận. Chị N và anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị N và anh Q không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí DSST: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn Q

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao chị Phạm Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 03/11/2014 và giao anh Nguyễn Văn Q tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 09/6/2016; chị N và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí DSST: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai số 0004559, ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ánh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Nghị Đặng Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Ánh